

ĐỔI MỚI HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

BÙI NGỌC HIỀN*

Ngày nhận bài: 19/11/2016; ngày sửa chữa: 21/11/2016; ngày duyệt đăng: 29/11/2016.

Abstract: Education development planning is necessary to promote the education in Mekong River Delta as well as train human resources serving development of the region. In this article, author analyses contexts and background that require the reform of education development policy in Mekong River Delta and suggests requirements and proposes solutions to improve quality of education in the region.

Keywords: Education development policy, Mekong River Delta, policymaker.

1. Yêu cầu đổi mới hoạch định chính sách (HĐCS) phát triển giáo dục (GD) vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Vùng ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố, có diện tích đất tự nhiên 40.572 km² và dân số 17.478.900 người. Đây là vùng đất trù phú, có vị trí địa lý thuận lợi, có vị trí chiến lược trong phát triển KT-XH, an ninh - quốc phòng; luôn đứng đầu cả nước về sản xuất và xuất khẩu gạo, thủy sản và trái cây; đứng thứ ba về tỉ trọng đóng góp GDP nhưng vẫn còn là “vùng trũng”, vùng khó khăn về GD.

Việc thúc đẩy GD vùng ĐBSCL phát triển đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, có chính sách (CS) riêng để hỗ trợ, phát triển nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, làm cơ sở, tiền đề để vùng tận dụng lợi thế, phát triển nhanh, bền vững. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định: “*Phấn đấu đưa các chỉ số phát triển giáo dục (PTGD) và đào tạo ở vùng ĐBSCL lên ngang bằng trình độ bình quân chung của cả nước*” [1]. Kể từ năm 1999 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các cơ chế, CS riêng để thúc đẩy GD vùng ĐBSCL phát triển: Quyết định số 206/1999/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch PTGD và đào tạo khu vực ĐBSCL đến năm 2000 và giai đoạn 2001-2005; Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg về PTGD, đào tạo, dạy nghề vùng ĐBSCL đến năm 2010 với mục tiêu: “Nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực của ĐBSCL để phát huy sức mạnh của vùng, tạo bước đột phá trong quá trình phát triển KT-XH và đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH... *Phấn đấu đến năm 2010 chỉ số PTGD, đào tạo và dạy nghề của ĐBSCL ngang bằng chỉ số trung bình của cả nước*”; Quyết định số 1033/QĐ-TTg về PTGD, đào tạo và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-

2015 với mục tiêu: “*tạo bước đột phá để nâng cao chất lượng GD toàn diện, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển KT-XH nhanh, bền vững của vùng và cả nước*”. Bên cạnh việc thúc đẩy GD vùng ĐBSCL phát triển, tại các hội nghị tổng kết thực hiện các quyết định trên cũng nhận định, đánh giá một số mục tiêu cơ bản được đề ra trong từng giai đoạn đã không đạt được và các chỉ số PTGD của vùng ĐBSCL vẫn thuộc nhóm thấp nhất cả nước.

Theo Báo cáo tại Hội nghị tổng kết thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg, năm học 2014-2015 [2], vùng ĐBSCL đã đạt được một số thành tựu nhất định về quy mô PTGD ở các cấp học, bậc học, cơ sở vật chất phục vụ GD. Tuy nhiên, Báo cáo cũng đưa ra một số tồn tại, hạn chế: 1) Một số chỉ tiêu về PTGD của Quyết định số 1033/QĐ-TTg không đạt. Phổ cập trẻ em 5 tuổi, tỉ lệ huy động trẻ dưới 36 tháng tuổi đạt thấp dưới 10%. Phân luồng học sinh sau THCS, tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp tiếp tục gặp khó khăn. Tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi cấp THPT đạt thấp nhất (dưới 50%, trong khi bình quân cả nước là 60%). Khó có thể đạt được mục tiêu 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn THPT hoặc tương đương vào năm 2020. Cơ cấu trình độ và ngành nghề còn bất cập, chậm được khắc phục; 2) Các chỉ tiêu phát triển dạy nghề của Quyết định số 1033/QĐ-TTg không đạt. Số trường cao đẳng nghề đạt 78% (17/22 trường), số trường trung cấp nghề đạt 97,14% (34/35 trường). Quy mô tuyển sinh hàng năm chỉ đạt 56%, mới chỉ tập trung vào đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng...; 3) Thiếu phòng học mầm non, nhiều phòng học

* Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

(Tháng 12 / 2016)

Tạp chí Giáo dục SỐ ĐẶC BIỆT 47

xuống cấp (còn 1.905 phòng học tạm và 2.608 phòng học nhờ mượn); trang thiết bị phục vụ đào tạo chậm được đầu tư, đổi mới. Chưa đạt kế hoạch về tỉ lệ phòng học kiên cố đã đề ra...; 4) Chất lượng GD nhìn chung thấp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, là một trong những nguyên nhân làm hạn chế chất lượng nguồn nhân lực. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ số lượng và chất lượng trong GD, đào tạo; 5) Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí GD còn bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu. Thiếu giáo viên mầm non, tiểu học cho 2 buổi/ngày, thừa giáo viên THCS, THPT ở một số địa phương. Các cơ sở đào tạo sư phạm địa phương thiếu giáo viên đầu ngành trình độ cao, thừa giáo viên trình độ trung bình và thấp; trình độ nghiệp vụ chuyên môn của giáo viên khi ra trường còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn...

Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu cần nhìn nhận lại quá trình chính sách phát triển giáo dục (CSPTGD) vùng ĐBSCL để ban hành một CS mới đi vào thực tiễn, được thực thi một cách hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra, phục vụ tiến trình xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và thích ứng với những ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu. Một chu trình CSPTGD vùng ĐBSCL cần được thực hiện và bắt đầu từ việc HCĐCSPTGD vùng ĐBSCL một cách khoa học, xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn, phục vụ tiến trình phát triển mới của vùng và cả nước.

HĐCSPTGD vùng ĐBSCL là tổ hợp các bước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho ra đời một CS nhằm thúc đẩy GD vùng ĐBSCL phát triển, góp phần quan trọng, quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tiến trình xây dựng và phát triển vùng trong thời gian tới.

2. Bối cảnh và vấn đề chính sách

Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển KT-XH của các quốc gia cũng như của từng địa phương. Đối với từng cá nhân, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng mang lại không ít thời cơ và thách thức. Kinh tế tri thức đã, đang và sẽ là xu thế phát triển tất yếu của thời đại, mang lại thời cơ và thách thức đối với nước ta trong quá trình phát triển.

Vốn có nhiều tiềm năng, lợi thế cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, vùng ĐBSCL hiện đang có nhiều thế mạnh để phát triển; hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng, rút ngắn thời gian lưu thông với TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam bộ cùng với

hệ thống giao thông đường biển, đường không đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho vùng ĐBSCL. Bên cạnh đó, các thế mạnh vốn có của vùng như sản xuất lương thực, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản cũng luôn giữ được vị thế của mình trên thị trường trong nước và nước ngoài... Tuy nhiên, vùng ĐBSCL vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế tiềm tàng và đứng trước nhiều thách thức mang tính thời đại. Đó là, chất lượng nguồn nhân lực thấp đang là một nút thắt ngày càng lớn, kìm hãm sự phát triển KT-XH của vùng ĐBSCL. Năm 2015, toàn vùng có khoảng 110 sinh viên/1 vạn dân, thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước; 10,4% lao động quan đào tạo, thấp nhất cả nước. Hệ thống giao thông khó khăn, nhiều kênh rạch. Bên cạnh đó, do địa hình thấp, ĐBSCL còn phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn ngày càng trầm trọng cùng và việc chịu ảnh hưởng nước biển dâng. Nếu không có chiến lược để thích ứng, ĐBSCL sẽ gặp vô vàn khó khăn trong phát triển cũng như phải đối phó với nhiều hệ lụy từ thực trạng này.

Vấn đề CS được hiểu là các nhu cầu, các giá trị hay các cơ hội chưa được thực hiện hóa [3]. Đối với GD vùng ĐBSCL, vấn đề CS chính là thực trạng kém phát triển của GD mặc dù đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, hỗ trợ phát triển trong nhiều năm qua, là nguyên nhân chính của thực trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất cả nước, đã, đang và sẽ tiếp tục cản trở, kìm hãm sự phát triển KT-XH của vùng. Nếu giải quyết được vấn đề CS này sẽ góp phần quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, làm động lực thúc đẩy vùng phát triển trong thời gian mới, giúp ĐBSCL chủ động thích ứng và giải quyết được nhiều vấn đề phát sinh trong tiến trình phát triển. Ngược lại, nếu không giải quyết vấn đề này, vùng ĐBSCL không những gặp nhiều khó khăn mà còn phải đối mặt với nhiều hệ lụy khác trong thời gian tới.

3. Căn cứ để đổi mới HCĐCS

3.1. Định hướng, mục tiêu của Đảng và Nhà nước. Trước hết, chủ thể HCĐCSPTGD vùng ĐBSCL cần căn cứ quan điểm, định hướng của Đảng, mục tiêu của Nhà nước về phát triển vùng ĐBSCL. Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị đã xác định phương hướng, mục tiêu: "Xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững... *Phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước*". Quyết định số 939/QĐ-TTg cũng đã xác định mục tiêu: "Xây dựng, phát triển

vùng ĐBSCL trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và thủy sản của cả nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; phát triển mạnh kinh tế biển và *phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước...*

Bên cạnh đó, chủ thể HĐCSPTGD vùng ĐBSCL cần căn cứ quan điểm của Đảng và mục tiêu của Nhà nước về đổi mới, PTGD được thể hiện trong Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 2011-2020, Chiến lược PTGD 2011-2020...

3.2. Thực trạng CS, pháp luật về GD. Để nội dung CSPTGD vùng ĐBSCL không xung đột, mâu thuẫn lớn với hệ thống CS, pháp luật hiện hành, chủ thể HĐCS cần căn cứ vào hệ thống CS, pháp luật về GD hiện hành như: Điều 61 Hiến pháp năm 2013, **Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Dạy nghề**, Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông...

3.3. Thực trạng GD vùng ĐBSCL. Để một CS sau khi ban hành dễ dàng đi vào cuộc sống, được thực thi một cách hiệu quả cần phải được hoạch định trên cơ sở thực tiễn. Đối với CSPTGD vùng ĐBSCL, yêu cầu này càng quan trọng do địa bàn thực thi rộng, chỉ số PTGD hiện tại rất thấp. Do đó, chủ thể HĐCSPTGD vùng ĐBSCL cần phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng GD vùng ĐBSCL làm cơ sở cho HĐCS.

3.4. Đối tượng thực thi CSPTGD vùng ĐBSCL là các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sống và làm việc tại vùng ĐBSCL. Căn cứ đặc điểm chung của các đối tượng thực thi CS để tiến hành HĐCS. Những nội dung cần xem xét, đánh giá về đối tượng thực thi CS trong HĐCS như: trình độ dân trí, mức sống, thái độ đối với vấn đề CS...

4. Các giải pháp đổi mới HĐCS

4.1. Thực hiện quy trình HĐCS. Trên cơ sở đã xác định vấn đề CS, chủ thể HĐCS sẽ tiến hành quy trình HĐCSPTGD vùng ĐBSCL:

4.1.1. Hình thành ý tưởng và xác định mục tiêu CS là việc trả lời các câu hỏi như: vấn đề CS trên nên được giải quyết bằng CS nào? CS hiện tại hay phải hoạch định lại CSPTGD vùng ĐBSCL? Hay phát triển kinh tế trước để tạo tiền đề từng bước cải thiện PTGD?... Đồng thời, trong bước này, ý tưởng để giải quyết các mâu thuẫn thực tiễn của GD vùng ĐBSCL cũng cần phải được đưa ra, làm tiền đề cho việc xây dựng các phương án CS. Ví dụ, ý tưởng về giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu PTGD với khả năng đáp ứng về ngân sách, cơ sở vật chất của vùng; giữa số lượng, chất

lượng, chất lượng của học sinh, sinh viên sau khi ra trường với khả năng thu hút, sử dụng có thị trường lao động trong vùng và các địa bàn lân cận; giữa GD mang tính chất chuẩn bị nguồn nhân lực cho tương lai với GD đáp ứng nhu cầu hiện tại của vùng; giữa điều kiện hiện tại của GD trong vùng với yêu cầu nâng cao chất lượng GD nhanh, tiệm cận với xu hướng phát triển nhanh của GD trong và ngoài nước...

Trên cơ sở ý tưởng CS, chủ thể CS xác định mục tiêu CS trên cơ sở giải quyết vấn đề CS và cụ thể hóa định hướng, mục tiêu của Nhà nước về phát triển vùng ĐBSCL trong tương lai.

4.1.2. Xây dựng các phương án CS là việc đưa ra các kịch bản để thực hiện mục tiêu CS và các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện phương án CS. Trong bước này, nhiều phương án được đưa ra để thực hiện mục tiêu CS trên. Nên PTGD vùng ĐBSCL theo hướng quan tâm đến tất cả các bậc học hay tập trung PTGD mầm non, GD phổ thông hay GD nghề nghiệp, GD đại học? Nên quan tâm đến phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GD hay quan tâm quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học? Nên PTGD vùng ĐBSCL trên cơ sở cụ thể hóa và thực hiện tốt CS của Nhà nước về PTGD của cả nước hay xác định một hướng đi mới, đột phá cho GD ĐBSCL?... Việc đưa ra nhiều phương án cùng với hệ thống nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, toàn diện để thực hiện từng phương án sẽ giúp cho việc lựa chọn một phương án CS tối ưu nhất để PTGD vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

4.1.3. Lựa chọn phương án CS là việc xem xét, đánh giá, lựa chọn phương án tốt nhất trong các phương án đã xây dựng trên phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn. Việc xem xét, lựa chọn phương án chính sách phải được tiến hành một cách khoa học, toàn diện. Có nhiều phương pháp xem xét, đánh giá lựa chọn phương án CS như sử dụng ma trận so sánh các phương án trên các tiêu chí cụ thể, so sánh trực tiếp từng cặp phương án với nhau. Sau khi so sánh, chủ thể HĐCS quyết định lựa chọn phương án chính sách tối ưu nhất cùng với hệ thống giải pháp của phương án đó để tiếp tục các bước tiếp theo.

4.1.4. Đánh giá tác động của CS là việc phân tích, dự báo tác động của CS đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn những giải pháp tối ưu để thực thi CS. Đánh giá tác động của CSPTGD vùng ĐBSCL tập trung vào các nội dung: tác động về kinh tế, tác động về xã hội, tác động về giới, tác động đối với hoạt động quản lý nhà nước, tác động đối với CS, pháp luật hiện hành...

Sử dụng kết hợp phương pháp định lượng và phương pháp định tính trong đánh giá tác động của CSPTGD vùng ĐBSCL.

4.1.5. Thẩm định CS là việc của cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định dự thảo CS theo quy định, Sau khi thẩm định, nếu dự thảo CS đáp ứng được các yêu cầu sẽ được tiếp tục hoàn thiện để thông qua.

4.1.6. Thông qua và ban hành CS là việc các cơ quan có trách nhiệm thảo luận, thông qua và ban hành một CS công. Đối với CSPTGD vùng ĐBSCL, tập thể Chính phủ thảo luận, biểu quyết thông qua. Sau khi hoàn tất hồ sơ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, kí ban hành CS.

Trong HĐCSPTGD vùng ĐBSCL cần phát huy vai trò tham vấn CS của các bên có liên quan, các tổ chức chuyên gia, tư vấn, đặc biệt trong các bước: hình thành ý tưởng và xác định mục tiêu CS, xây dựng phương án CS, lựa chọn phương án CS, đánh giá tác động của CS. Sử dụng nhiều hình thức, phương pháp và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (điện thoại di động, internet di động...) trong tham vấn CS. Tránh hình thức trong tổ chức tham vấn CS.

4.2. Xác định mục tiêu CS. Mục tiêu CS là những nhu cầu, giá trị mong muốn đạt được trong và sau khi thực thi CS trên thực tiễn. Mục tiêu CS là "linh hồn của CS", định hướng, chi phối toàn bộ chu trình CS. Do đó, việc xác định mục tiêu CS có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình HĐCS.

Trên thực tế, những năm qua, một trong những mục tiêu chính sách PTGD vùng ĐBSCL hướng đến đó là: phấn đấu để đạt các chỉ số PTGD ngang bằng với mặt bằng chung cả nước. Chính điều này đã phát sinh nhiều diễn biến theo hướng không tích cực để đạt được các chỉ số ngang với mặt bằng chung của cả nước. Vì vậy, để khắc phục tình trạng này, mục tiêu CS cần hướng đến trong giai đoạn hiện nay và tiếp theo là giải quyết được vấn đề CS, góp phần phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong thời gian tới, phù hợp với mục tiêu đổi mới, PTGD của cả nước vừa phù hợp với yêu cầu, định hướng phát triển vùng và phù hợp với thực trạng GD của vùng ĐBSCL.

Theo chúng tôi, trước khi xác định mục tiêu CSPTGD cần xây dựng tiêu chuẩn, yêu cầu của những lớp người mới mà GD ĐBSCL hướng đến GD, xây dựng. Đó là những lớp người có thể lực tốt, có đủ tri thức, kĩ năng cần thiết để tham gia vào tiến trình xây dựng, phát triển vùng ĐBSCL trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và thích ứng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong những thập kỉ tiếp theo. Để đáp ứng yêu cầu đó, mục tiêu PTGD của vùng ĐBSCL

hướng đến mục tiêu: 1) Xây dựng nền GD khoa học, hiện đại, mở để đáp ứng nhu cầu học tập của mọi cá nhân; 2) Chất lượng GD tốt, không ngừng đổi mới, phát triển để đáp ứng yêu cầu trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng khoa học, tiên tiến, phù hợp; 3) Xây dựng môi trường GD chuẩn mực để GD, hoàn thiện mỗi cá nhân.

Nền GD ĐBSCL cần xây dựng trên cơ sở vận dụng những mô hình GD tiên tiến trên thế giới vào điều kiện thực tiễn ĐBSCL, đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của người học. Người học bình đẳng và dễ dàng tiếp cận với các hoạt động GD theo nhu cầu của mình ở bất cứ thời gian, địa điểm nào. Người học được GD, rèn luyện nhân cách, được trang bị tri thức khoa học và kĩ năng cần thiết trong một môi trường học thuật chuẩn mực trên cơ sở phối hợp đồng bộ, toàn diện giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Các mục tiêu của CSPTGD vùng ĐBSCL cần được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong từng giai đoạn, phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn.

4.3. Xây dựng hệ thống giải pháp của CS. Giải pháp CS là cách thức tác động của Nhà nước để đạt được mục tiêu của CS. Giải pháp CS chứa đựng cơ chế huy động, điều tiết, phân bổ các nguồn lực cũng như khuyến khích hay kìm hãm quá trình vận động của các đối tượng, các nhóm đối tượng cụ thể trong quá trình CS nhằm đạt được mục tiêu của CS. Hệ thống giải pháp của CSPTGD vùng ĐBSCL gồm các nhóm giải pháp cơ bản:

4.3.1. Tuyên truyền, phổ biến CS tới tất cả các đối tượng cần thiết (các cá nhân, bộ phận có trách nhiệm tổ chức thực thi CS, các tầng lớp nhân dân ở vùng ĐBSCL - đối tượng thực thi CS cùng các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan) bằng những nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp, hiệu quả, giúp họ nhận thấy rõ tầm quan trọng cũng như trách nhiệm của mình trong tổ chức thực thi CS; làm cho mỗi người dân trong vùng đều nhận thức rõ thêm về vai trò của GD đối với từng cá nhân và việc tham gia thực thi CSPTGD vùng ĐBSCL không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi của chính mình, của gia đình mình. Nếu giải pháp này được quan tâm, tổ chức thực hiện tốt, không những tạo nên sự thống nhất giữa mục tiêu của Nhà nước với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân trong nội dung CS mà còn thu hút và huy động khả năng, nguồn lực của các bên có liên quan trong thực thi CS.

4.3.2. Giải pháp về quản lí nhà nước. CSPTGD vùng ĐBSCL có địa bàn thực thi rộng lớn với nhiều địa

phương có đặc điểm khác nhau và nhiều cấp chính quyền. Bên cạnh đó, CSPTGD vùng ĐBSCL mới được ban hành có thể chứa đựng những định hướng, nội dung mới cần phải được thể chế hóa hoặc đưa ra những quy định đặc thù cho vùng ĐBSCL. Những hoạt động này chỉ có thể được tiến hành bởi Nhà nước. Do đó, cần quan tâm xây dựng nhóm giải pháp về quản lý nhà nước để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của CSPTGD vùng ĐBSCL trên thực tiễn.

4.3.3. Cơ chế tổ chức thực thi CSPTGD vùng ĐBSCL bao gồm các quy định xác lập chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng địa phương, từng cấp chính quyền; cơ chế kiểm tra, giám sát, đôn đốc... trong tổ chức thực thi CS. Đồng thời, nhóm giải pháp này cũng cần xác định cơ quan có trách nhiệm điều phối tổ chức thực thi CSPTGD vùng ĐBSCL. Yêu cầu trong xác lập cơ chế thực thi CSPTGD vùng ĐBSCL là: cụ thể, rõ ràng, xác định được chế tài trách nhiệm đối với từng cá nhân, bộ phận.

4.3.4. Huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực. Nguồn lực để phát triển nói chung và nguồn lực để thực hiện các CS công luận là yếu tố quan trọng, có tính quyết định đến sự thành công. Với điều kiện KT-XH và thực trạng hiện nay, để thực hiện thành công CSPTGD cần nguồn lực rất lớn. Nguồn lực này không chỉ từ nguồn ngân sách Nhà nước mà còn cần huy động từ các chủ thể khác trong xã hội. Do đó, việc xây dựng giải pháp để huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho PTGD vùng ĐBSCL trong thời gian tới là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong quá trình HĐCS. Vì vậy, nhóm giải pháp này phải xác định cụ thể đối tượng, hình thức, phương pháp huy động nguồn lực cho PTGD; cách thức quản lý, sử dụng nguồn lực; cơ chế công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong quản lý, sử dụng nguồn lực PTGD vùng ĐBSCL...

4.3.5. Kích thích, bắt buộc đối với đối tượng CS - là nhóm giải pháp hướng tới mong muốn sự tham gia thực thi CS của đối tượng thực thi CS một cách tự giác, trách nhiệm và hiệu quả. Đối với CSPTGD vùng ĐBSCL, Nhà nước cũng như chính quyền địa phương trong vùng cần phải có nhiều hình thức, phương pháp tác động đến các tầng lớp nhân dân để họ tham gia thực hiện CS. Bên cạnh những giải pháp như tôn vinh tri thức, khen thưởng... cũng cần phải có các biện pháp mang tính bắt buộc để một bộ phận nhân dân quan tâm, thực hiện.

4.3.6. Huy động sự tham gia của các bên. Để CSPTGD vùng ĐBSCL nhận được sự quan tâm, đồng thuận cao trong quá trình thực thi, cần phải huy động

sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong vùng, của các cá nhân, các tổ chức quan thông qua việc tổ chức tham vấn CS trong suốt chu trình CS và thông qua hoạt động xã hội hóa GD. Nhóm giải pháp này cần chú ý đến xác lập cơ chế và tính công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, cần có giải pháp để phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp... trong tham gia PTGD ở vùng ĐBSCL.

4.3.7. Xây dựng môi trường GD lành mạnh ở vùng ĐBSCL trên cơ sở tạo được sự thống nhất, đồng thuận và phối hợp tốt trong thực hiện các hoạt động GD giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

4. Các điều kiện để đảm bảo tính khả thi của CS

Để đảm bảo tính khả thi trên thực tiễn, việc mục tiêu và nội dung CSPTGD vùng ĐBSCL phải được xây dựng khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, cần có các điều kiện khác như: 1) Thu nhập của nhân dân trong vùng tăng lên; 2) Thực hiện xã hội hóa GD hiệu quả; 3) Vai trò điều phối và cơ chế tổ chức thực thi CS rõ ràng và đồng bộ trên phạm vi toàn vùng.

Vùng ĐBSCL là vùng có vị trí chiến lược và nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển. Tuy nhiên, tình trạng GD chậm phát triển, chất lượng nhân lực thấp nhất cả nước đang là điểm nghẽn, kìm hãm sự phát triển của vùng. Để giải quyết vấn đề CS này, Nhà nước cần quan tâm, hoạch định và tổ chức thực thi CS mới PTGD vùng ĐBSCL để xây dựng những lớp người mới phục vụ tiến trình xây dựng, phát triển vùng trong những thập kỉ tiếp theo. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2012). *Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kì 2011-2020*.
- [2] Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ - Bộ GD-ĐT - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Báo cáo về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015, phương hướng phát triển giai đoạn 2016-2020*.
- [3] David Dery (1984). *Problem Definition in Policy Analysis*. NXB Lawrence - Đại học Kansas.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Nguyễn Hữu Hải (2014). *Chính sách công - những vấn đề cơ bản*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Thủ tướng Chính phủ (1999). *Quyết định số 206/1999/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển*

(Xem tiếp trang 24)

xuất về công tác an ninh trường học, các hiện tượng gây rối an ninh trật tự, tàng trữ vũ khí để có biện pháp ngăn ngừa kịp thời; tổ chức xét nghiệm đột xuất đối với những đối tượng nghi sử dụng các chất ma túy, phối hợp với gia đình để có biện pháp theo dõi, giáo dục và giúp đỡ HS từ bỏ con đường nghiện ngập.

- Qua kiểm tra, đánh giá, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và phê phán những biểu hiện tiêu cực, những thói hư, tật xấu, những biểu hiện hành vi vi phạm pháp luật, các tệ nạn xã hội tác động vào nhà trường, góp phần tạo nên môi trường giáo dục trong sáng, lành mạnh; nêu gương, biểu dương những HS có hành vi tích cực, có ý thức, nhận thức pháp luật đúng đắn, học tốt, rèn luyện tốt.

- Kiểm tra, đánh giá thông qua các buổi sơ kết, tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc để có sự đánh giá toàn diện những mặt đã làm được và chưa làm được, từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm, các biện pháp khắc phục để điều chỉnh kế hoạch GDPL sao cho phù hợp, đem lại hiệu quả cao như mục tiêu đã đề ra.

3.3. Điều kiện thực hiện:

- Cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch GDPL cho HS.

- Phân công cụ thể về nhiệm vụ, thẩm quyền cho các đơn vị, bộ phận chức năng có liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện GDPL cho HS của nhà trường.

- Việc tiến hành kiểm tra, đánh giá phải căn cứ vào nguyên tắc, quy định có tính pháp lý; cán bộ được cử tham gia quá trình kiểm tra, đánh giá phải là những người có chuyên môn hoặc có kiến thức về pháp luật và có năng lực đánh giá, tổng hợp.

- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá phải được xây dựng trước cho cả năm học một cách cụ thể, rõ ràng và được phổ biến cho các đơn vị, bộ phận nắm rõ để chủ động triển khai thực hiện.

Các biện pháp QL GDPL nêu trên có tác động tương hỗ, hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình QL. Vì vậy, để đạt được mục tiêu QL GDPL phải thực hiện đồng bộ các biện pháp này. Nếu chủ thể QL vận dụng tốt thì tác động của các biện pháp sẽ là tích cực, sẽ thực hiện được mục tiêu QL GDPL, sẽ là khả thi; nhưng nếu thực hiện không tốt thì tác động sẽ có thể ngược lại. Thực hiện tốt việc QL GDPL là xây dựng môi trường giáo dục trong sáng, lành mạnh, là môi trường tốt nhất cho HS rèn luyện mình, phát triển toàn

diện và hình thành nhân cách để trở thành công dân mẫu mực, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của nền kinh tế tri thức và hội nhập toàn cầu. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Bí thư (2003). *Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
- [2] Chính phủ (2007). *Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 phê duyệt đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”.*
- [4] Bộ GD-ĐT (2007). *Chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT ngày 17/08/2007 về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục.*
- [5] Bộ GD-ĐT (2016). *Quyết định số 6293/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2015 ban hành kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016 của ngành giáo dục.*
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Bộ GD-ĐT (2007). *Cẩm nang công tác phổ biến giáo dục pháp luật.*
- [8] Trần Kiểm - Nguyễn Xuân Thúc (2012). *Giáo trình Khoa học quản lý và quản lý giáo dục đại cương.* NXB Đại học Sư phạm.

Đổi mới hoạch định chính sách...

(Tiếp theo trang 51)

giáo dục và đào tạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2000 và giai đoạn 2001-2005.

[7] Thủ tướng Chính phủ (2006). *Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg về phát triển giáo dục, đào tạo, dạy nghề vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010.*

[8] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 1033/QĐ-TTg về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015.*

[9] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 939/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.*